

Phụ lục XII
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN CỦA CÔNG AN CẤP XÃ
(Ban hành kèm theo Công văn số /HCC-KSTT ngày tháng năm 2025
của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Dương)

STT	Tên thủ tục hành chính
I. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ CƯ TRÚ	
1.	Xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở
2.	Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới
3.	Đăng ký thường trú (cấp xã).
4.	Xóa đăng ký thường trú (cấp xã).
5.	Đăng ký tạm trú (cấp xã).
6.	Gia hạn tạm trú (cấp xã).
7.	Xóa đăng ký tạm trú (cấp xã).
8.	Thông báo lưu trú (cấp xã).
9.	Khai báo tạm vắng (cấp xã).
10.	Khai báo thông tin về cư trú đối với người chưa đủ điều kiện đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú (cấp xã).
11.	Tách hộ (cấp xã).
12.	Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú (cấp xã).
13.	Xác nhận thông tin về cư trú (cấp xã).
II. LĨNH VỰC XUẤT NHẬP CẢNH	
14.	Khai báo tạm trú cho người nước ngoài tại Việt Nam bằng Phiếu khai báo tạm trú (cấp xã).
15.	Trình báo mất hộ chiếu (cấp xã).

16.	Trình báo mất thẻ ABTC (cấp xã).
III. LĨNH VỰC KHIẾU NẠI, TỔ CÁO	
17.	Giải quyết tố cáo không thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự của công dân đối với lực lượng Công an nhân dân (cấp xã).
18.	Giải quyết khiếu nại về quyết định hành chính, hành vi hành chính của công dân đối với lực lượng Công an nhân dân (cấp xã).
IV. LĨNH VỰC VŨ KHÍ	
19.	Khai báo vũ khí thô sơ là hiện vật trưng bày, triển lãm, làm đồ gia bảo (Thông báo khai báo vũ khí thô sơ cấp xã).
V. LĨNH VỰC PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY	
20.	Phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân (cấp xã).
VI. LĨNH VỰC QUẢN LÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG	
21.	Đăng ký xe lần đầu trực tuyến toàn trình đối với xe sản xuất lắp ráp trong nước thực hiện tại cấp xã.
22.	Đăng ký xe lần đầu trực tuyến toàn trình đối với xe nhập khẩu thực hiện tại cấp xã.
23.	Đăng ký, cấp biển số xe lần đầu thực hiện bằng dịch vụ công một phần hoặc trực tiếp thực hiện tại cấp xã.
24.	Cấp chứng nhận đăng ký xe, biển số xe trong trường hợp thay đổi chủ xe (đăng ký sang tên xe) bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp thực hiện tại cấp xã.
25.	Đổi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp thực hiện tại cấp xã.
26.	Cấp lại chứng nhận đăng ký xe, biển số xe thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến toàn trình tại cấp xã.
27.	Cấp lại chứng nhận đăng ký xe, biển số xe thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp thực hiện tại cấp xã.
28.	Đăng ký xe tạm thời thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến toàn trình (cấp xã).

29.	Đăng ký xe tạm thời thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp thực hiện tại cấp xã
30.	Thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe thực hiện bằng dịch vụ công toàn trình (cấp xã).
31.	Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp thực hiện tại cấp xã
VII. LĨNH VỰC CĂN CƯỚC	
32.	Khai thác thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (cấp xã).
33.	Khai thác thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia căn cước (cấp xã).
34.	Khai thác thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (cấp xã).
35.	Khai thác thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu căn cước (cấp xã).
36.	Thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN vào Cơ sở dữ liệu về căn cước (cấp xã).
37.	Thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về giọng nói vào Cơ sở dữ liệu về căn cước (cấp xã).
38.	Tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước (cấp xã).
39.	Cấp thẻ Căn cước cho người từ đủ 14 tuổi trở lên (cấp xã).
40.	Cấp thẻ căn cước cho người dưới 14 tuổi (cấp xã).
41.	Đổi thẻ Căn cước (cấp xã).
42.	Cấp lại thẻ Căn cước (cấp xã).
43.	Xác nhận thông tin số chứng minh nhân dân 09 số, số định danh cá nhân (cấp xã).
44.	Cấp đổi giấy chứng nhận căn cước (cấp xã).
45.	Cấp lại giấy chứng nhận căn cước (cấp xã).
46.	Thu thập, cập nhật thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở

	dữ liệu căn cước và cấp giấy chứng nhận căn cước (cấp xã).
47.	Điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước theo đề nghị của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch (cấp xã).
48.	Điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo đề nghị của công dân (cấp xã).
49.	Hủy, xác lập lại số định danh cá nhân (cấp xã).
VIII. LĨNH VỰC AN NINH TRẬT TỰ	
50.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (cấp xã).
51.	Cấp đổi giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (cấp xã).
52.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (cấp xã).
IX. LĨNH VỰC ĐỊNH DANH VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ	
53.	Khóa tài khoản định danh điện tử (cấp xã).
54.	Mở khóa tài khoản định danh điện tử (cấp xã).
55.	Khóa căn cước điện tử (cấp xã).
56.	Mở khóa căn cước điện tử (cấp xã).
57.	Cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02 cho người nước ngoài (cấp xã).
58.	Cấp tài khoản định danh điện tử cho cơ quan, tổ chức (cấp xã).
Tổng: 58 TTHC	